

Số: 47/QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức điều tra doanh nghiệp năm 2016

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-TCTK ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2016 của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức điều tra doanh nghiệp năm 2016, bao gồm các doanh nghiệp và các hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) thuộc các loại hình kinh tế trên phạm vi cả nước nhằm thu thập thông tin phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp.

Điều 2. Giám đốc các doanh nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, chính xác và kịp thời số liệu theo phiếu điều tra.

Điều 3. Thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp các cấp như sau:

1. Ở Trung ương: Thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra cấp Trung ương, gồm Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp làm Tổ trưởng; Vụ trưởng các Vụ: Thống kê Thương mại và Dịch vụ; Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; Thống kê Xây dựng và Vốn đầu tư; Thống kê Xã hội và Môi trường; Hệ thống Tài khoản quốc gia; Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin; Pháp chế và Thanh tra Thống kê và Giám đốc Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I làm thành viên. Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra cấp Trung ương có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê xây dựng phương án, chỉ đạo thực hiện cuộc điều tra.

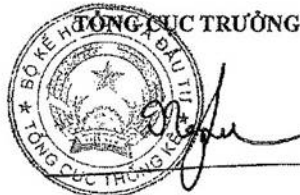
2. Ở địa phương: Giao Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Cục trưởng chỉ đạo điều tra doanh nghiệp ở địa phương. Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm 01 lãnh đạo Cục Thống kê làm Tổ trưởng; Trưởng phòng Thống kê Công nghiệp và Trưởng phòng Thống kê Thương mại làm Phó Tổ trưởng; đại diện lãnh đạo các phòng thống kê khác và thống kê viên các phòng nghiệp vụ có liên quan làm thành viên. Tổ thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện điều tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và hướng dẫn của Tổ thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. Tổ trưởng Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có tên trong Điều 3, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Bùi Quang Vinh (để báo cáo);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, Vụ TKCN.



Nguyễn Bích Lâm

PHƯƠNG ÁN

Điều tra doanh nghiệp năm 2016

*(Theo Quyết định số: 47/QĐ-TCTK ngày 22 tháng 02 năm 2016
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

1. Mục đích điều tra

- Thu thập các thông tin cơ bản phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp);

- Tổng hợp các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, các chỉ tiêu trong báo cáo chính thức hàng năm của ngành Thống kê;

- Thu thập thông tin phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh từ năm 2010 sang năm 2015 để biên soạn chỉ số sản xuất, chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho ngành công nghiệp thời kỳ 2016 - 2020;

- Thu thập thông tin phục vụ tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu trong Tổng điều tra nông thôn và nông nghiệp và thủy sản năm 2016;

- Thu thập thông tin đánh giá mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế;

- Đánh giá tình hình ứng dụng khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp;

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp làm mẫu cho các cuộc điều tra thống kê hàng năm; điều tra thường xuyên và các yêu cầu thống kê khác.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra

2.1. Đối tượng và đơn vị điều tra: Bao gồm các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập và chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động theo Luật Hợp tác xã và các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi các Luật chuyên ngành như Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán... hoạt động sản xuất kinh doanh trước thời điểm 01/01/2016 và hiện đang tồn tại¹ và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, bao gồm:

¹ Bao gồm: Các doanh nghiệp đang hoạt động, những doanh nghiệp hoạt động theo thời vụ không sản xuất đủ 12 tháng trong năm 2015, những doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất để đầu tư đổi mới, sửa chữa, xây dựng, mở rộng sản xuất, những doanh nghiệp ngừng hoạt động để chờ giải thể nhưng có bộ máy quản lý có thể trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra.

(1) Doanh nghiệp không có cơ sở trực thuộc đóng tại địa điểm khác (doanh nghiệp đơn) là doanh nghiệp chỉ có một địa điểm cố định duy nhất để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh;

(2) Doanh nghiệp có cơ sở trực thuộc đóng tại địa điểm khác là doanh nghiệp có trụ sở chính và ít nhất một cơ sở trực thuộc đóng ở nơi khác, cụ thể:

- Trụ sở chính của doanh nghiệp là nơi điều hành chung hoạt động của toàn doanh nghiệp. Trụ sở chính chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có ít nhất 01 cơ sở trực thuộc đóng ở địa điểm khác;

- Cơ sở trực thuộc là cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài trụ sở chính của doanh nghiệp.

(3) *Tập đoàn, tổng công ty:*

- *Đối với 31 tập đoàn, tổng công ty có hoạt động hạch toán toàn ngành thuộc các lĩnh vực: Bưu chính, viễn thông, điện lực, bảo hiểm, hàng không, đường sắt, ngân hàng có nhiều đơn vị chi nhánh đóng trên phạm vi cả nước, Tổng cục Thống kê sẽ tổ chức điều tra khối văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiến hành thu thập thông tin đối với các doanh nghiệp hạch toán độc lập, trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty này có địa điểm đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.* Danh sách 31 tập đoàn, tổng công ty gồm:

- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Tổng công ty VNPT (Vinaphone);
- Công ty cổ phần viễn thông FPT;
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel;
- Tổng công ty Viễn thông Mobiphone;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tập đoàn Bảo Việt;
- Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
- Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam;
- Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
- Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife;

- Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex;
 - Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI);
 - Công ty TNHH bảo hiểm Samsung Vina;
 - Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam);
 - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
 - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
 - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
 - Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;
 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
 - Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu;
 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;
 - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
 - Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - Ngân hàng TMCP Đông Á;
 - Ngân hàng TMCP Quân đội;
 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Đối với các tập đoàn, tổng công ty còn lại (không bao gồm 31 tập đoàn, tổng công ty nêu trên) do các Cục Thống kê thực hiện điều tra, đơn vị điều tra bao gồm (1) Văn phòng tập đoàn, tổng công ty (báo cáo phần hoạt động của văn phòng tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào văn phòng tập đoàn, tổng công ty) và (2) các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty hạch toán kinh tế độc lập.
- Đối với các tập đoàn, tổng công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con: Đơn vị điều tra là công ty mẹ và các công ty thành viên là công ty con hạch toán kinh tế độc lập.
- Đối với doanh nghiệp cho thuê toàn bộ dây chuyền sản xuất theo hình thức cho thuê tài chính, bên đi thuê báo cáo toàn bộ lao động, nguồn vốn và giá trị tài sản, kết quả SXKD, nộp ngân sách của dây chuyền sản xuất đi thuê;

đồng thời, doanh nghiệp cho thuê vẫn là một đơn vị báo cáo theo ngành hoạt động “cho thuê tài chính”.

Lưu ý: Chỉ tiêu nguồn vốn và tài sản không bao gồm giá trị của dây chuyền sản xuất đã cho thuê, doanh thu kinh doanh là số tiền thu được do cho thuê dây chuyền sản xuất.

2.2. Phạm vi điều tra: Bao gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra có địa điểm đóng trên phạm vi toàn quốc, hoạt động trong tất cả các ngành quy định trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2007) trừ các ngành: O - Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc; và ngành T - Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này.

3. Nội dung điều tra

3.1. Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: Tên doanh nghiệp; Địa chỉ, điện thoại, fax, email; Loại hình doanh nghiệp; Ngành hoạt động SXKD.

3.2. Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Lao động; Thu nhập của người lao động.

3.3. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh: Tài sản và nguồn vốn; Kết quả sản xuất kinh doanh; Thuế và các khoản nộp ngân sách; Vốn đầu tư.

3.4. Thông tin về các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp: Tên cơ sở; Ngành hoạt động SXKD; Sản lượng/sản phẩm; Lao động; Doanh thu.

3.5. Sử dụng công nghệ trong sản xuất: Tình hình sử dụng công nghệ/máy móc thiết bị sản xuất, công nghệ thông tin và truyền thông; Cơ cấu đầu vào/đầu ra và quan hệ với nhà cung cấp/khách hàng; Các kênh chuyển giao công nghệ; Năng lực đổi mới và cải tiến công nghệ; Tình hình cạnh tranh.

3.6. Thông tin về hội nhập quốc tế: Sự hiểu biết của doanh nghiệp về các hiệp định thương mại; Tác động của các hiệp định thương mại đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Phiếu điều tra và các bảng danh mục sử dụng trong điều tra

4.1. Phiếu điều tra: Có 21 loại phiếu điều tra, cụ thể gồm:

(1) Phiếu số 1A/ĐTDN-DN: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp, HTX - Áp dụng chung cho các DN nhà nước, DN ngoài nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã được chọn vào mẫu điều tra;

(2) Phiếu số 1A.1.1/ĐTĐN-HTX: Thông tin về hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản - Áp dụng cho toàn bộ hợp tác xã có hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản;

(3) Phiếu số 1A.1.2/ĐTĐN-NN: Hoạt động nông nghiệp - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động nông nghiệp;

(4) Phiếu số 1A.1.3/ĐTĐN-LN: Hoạt động lâm nghiệp - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động lâm nghiệp;

(5) Phiếu số 1A.1.4/ĐTĐN-TS: Hoạt động thủy sản - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động thủy sản;

(6) Phiếu số 1A.2/ĐTĐN-CN: Kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp - Áp dụng cho toàn bộ DN đơn/cơ sở có hoạt động công nghiệp;

(7) Phiếu số 1A.3/ĐTĐN-XD: Kết quả hoạt động xây dựng - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động xây dựng;

(8) Phiếu số 1A.4/ĐTĐN-TN: Kết quả hoạt động thương nghiệp - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có các hoạt động: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;

(9) Phiếu số 1A.5.1/ĐTĐN-VT: Kết quả hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát;

(10) Phiếu số 1A.5.2/ĐTĐN-KB: Kết quả hoạt động kho bãi, bốc xếp, hỗ trợ vận tải - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kho bãi, bốc xếp, hỗ trợ vận tải;

(11) Phiếu số 1A.6.1/ĐTĐN-LTAU: Kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống;

(12) Phiếu số 1A.6.2/ĐTĐN-DL: Kết quả hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành - Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành và các hoạt động hỗ trợ du lịch;

(13) Phiếu số 1A.7.1/ĐTĐN-TC: Kết quả hoạt động dịch vụ tài chính và hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính - Áp dụng cho các cơ sở thuộc các tổ chức tín dụng; ngân hàng, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân,...;

(14) Phiếu số 1A.7.2/ĐTĐN-XNKDVTCNH: Hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ của ngân hàng, tổ chức tín dụng - Áp dụng cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính...;

(15) Phiếu số 1A.8/ĐTDN-BH: Kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm - *Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm;*

(16) Phiếu số 1A.9.1/ĐTDN-BĐS: Kết quả hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản - *Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động kinh doanh, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;*

(17) Phiếu số 1A.9.2/ĐTDN-CNTT: Kết quả hoạt động dịch vụ liên quan đến máy vi tính và dịch vụ thông tin - *Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở có hoạt động: lập trình, tư vấn, dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính và thông tin;*

(18) Phiếu số 1A.9.3/ĐTDN-DVK: Kết quả hoạt động dịch vụ y tế, giáo dục và dịch vụ khác - *Áp dụng cho các DN đơn/cơ sở hoạt động y tế, giáo dục, chuyên môn khoa học công nghệ và dịch vụ khác;*

(19) Phiếu số 1A.10/ĐTDN-HĐTM: Phiếu thu thập thông tin về mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp tham gia hội nhập quốc tế - *Áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra;*

(20) Phiếu số 1Am/ĐTDN-KH: Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất - *Áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được chọn mẫu điều tra;*

(21) Phiếu số 1B/ĐTDN-DS: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp, HTX lập danh sách - *Áp dụng cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã, LH HTX thuộc đối tượng lập danh sách.*

4.2. Các bảng danh mục sử dụng trong điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2016 sử dụng các bảng danh mục sau:

(1) Bảng phân ngành kinh tế: Áp dụng Bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (VSIC 2007) và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(2) Danh mục các đơn vị hành chính: Áp dụng Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm 31/12/2015;

(3) Danh mục các nước và vùng lãnh thổ: Áp dụng Bảng danh mục các nước được ban hành trong tài liệu: “Các loại danh mục áp dụng cho điều tra toàn bộ doanh nghiệp năm 2006”;

(4) Danh mục sản phẩm công nghiệp: Phát triển trên cơ sở Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2010/TT-BKH ngày 19/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(5) Danh mục năng lực mới tăng của các dự án, công trình và hạng mục công trình.

5. Thời điểm điều tra và thời kỳ thu thập thông tin

5.1. Thời điểm điều tra: Bắt đầu từ 01/3/2016.

5.2. Thời điểm và thời kỳ thu thập thông tin

a. Các thông tin về lao động, giá trị tài sản, nguồn vốn, sản phẩm dở dang, thành phẩm tồn kho, hao mòn/khấu hao tài sản cố định: Thu thập thông tin tại hai thời điểm 01/01/2015 và 31/12/2015.

b. Các thông tin thu thập theo thời kỳ (kết quả sản xuất kinh doanh, sản phẩm, chi phí, thuế, giá trị xuất, nhập khẩu,...): Là số liệu chính thức của cả năm 2015.

6. Loại điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm được thực hiện theo phương pháp điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

6.1. Lập danh sách đơn vị điều tra

Danh sách đơn vị điều tra được lập dựa vào danh sách doanh nghiệp và danh sách các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp từ kết quả Điều tra doanh nghiệp các năm trước và nguồn thông tin của cơ quan thuế, cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh, quản lý doanh nghiệp các cấp... Cụ thể danh sách doanh nghiệp điều tra năm 2016 được lập trên cơ sở rà soát các danh sách sau:

- Danh sách các doanh nghiệp/cơ sở đã thu được phiếu trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2015 (có tại Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - gọi tắt là tỉnh, TP);

- Danh sách doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2015, đã hoặc chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (do Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng cục Thống kê tổng hợp gửi các Cục Thống kê tỉnh, TP);

- Danh sách doanh nghiệp thực tế còn tồn tại đến thời điểm 31/12/2014 nhưng trong cuộc điều tra doanh nghiệp 2015 không thu được phiếu hoặc doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong năm 2014 nhưng tính

đến thời điểm 31/12/2015 quay lại hoạt động sản xuất kinh doanh (có tại Cục Thống kê tỉnh, TP);

- Danh sách các doanh nghiệp và cơ sở trực thuộc doanh nghiệp tính đến thời điểm 31/12/2015 do Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính cấp;

- Danh sách doanh nghiệp thuộc đối tượng và phạm vi điều tra có được từ các nguồn thông tin khác.

6.2. Chọn đơn vị điều tra

6.2.1. Các doanh nghiệp sau đây được chọn điều tra toàn bộ theo phiếu số 1A/ĐTDN-DN:

- Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa có vốn nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 100 lao động trở lên;

- Các doanh nghiệp có hoạt động SXKD chính trong các ngành: nông, lâm nghiệp và thủy sản; lưu trú; vận tải (hàng không, đường biển và đường sắt); môi giới chứng khoán, bảo hiểm;

- Doanh nghiệp có từ 2 cơ sở trực thuộc trở lên, trong đó có ít nhất 1 cơ sở đóng trên địa bàn tỉnh, TP khác với trụ sở chính của doanh nghiệp;

- 16 tỉnh có số lượng doanh nghiệp nhỏ gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lạng Sơn, Ninh Thuận, Kon Tum, Đắk Nông, Trà Vinh, Hậu Giang và Bạc Liêu: Điều tra toàn bộ các doanh nghiệp theo phiếu 1A/ĐTDN-DN.

6.2.2. Điều tra chọn mẫu doanh nghiệp thực hiện phiếu số 1A/ĐTDN-DN đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 100 lao động.

a. Lập dàn chọn mẫu:

Dàn chọn mẫu được lập dựa trên danh sách các doanh nghiệp ngoài nhà nước có dưới 100 lao động có đến 31/12/2015 của từng tỉnh, TP. Dàn mẫu doanh nghiệp từng tỉnh, TP được lập theo quy mô lao động (dưới 10 lao động, từ 10-49 và từ 50-99 lao động) và theo các ngành kinh tế cấp 4 (dàn mẫu doanh nghiệp và HTX được lập và chọn độc lập); trong mỗi ngành kinh tế thuộc dàn mẫu, các doanh nghiệp được sắp xếp theo thứ tự giảm dần của chỉ tiêu lao động thời điểm 31/12/2015.

b. Chọn mẫu điều tra:

- Đối với nhóm doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 50-99 lao động: Chọn 50% số doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các ngành (Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng, Hải Phòng chọn 30%);

- Đối với nhóm doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 10-49 lao động: Chọn 20% số doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp, xây dựng, bảo hiểm, trung gian tài chính (Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng, Hải Phòng chọn 15%) và 15% số doanh nghiệp hoạt động trong ngành thương mại và dịch vụ - trừ ngành bảo hiểm, trung gian tài chính (Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng, Hải Phòng chọn 10%);

- Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 10 lao động: Chọn 10% số doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các ngành (Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng, Hải Phòng chọn 7%);

Riêng các doanh nghiệp mẫu tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được chọn như sau:

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 50 đến 99 lao động: Chọn mẫu điều tra 20%.

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 10 đến 49 lao động: Chọn mẫu điều tra 10%.

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 10 lao động: Chọn mẫu điều tra 3%.

Mẫu chọn theo nguyên tắc đại diện cho từng ngành kinh tế cấp 4 (VSIC 2007) trên địa bàn tỉnh, TP theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

Danh sách mẫu các doanh nghiệp điều tra theo phiếu 1A/ĐTĐN-DN do Tổng cục Thống kê chọn và gửi các Cục Thống kê tỉnh, TP để điều tra.

Các doanh nghiệp ngoài nhà nước không thuộc đối tượng điều tra phiếu số 1A/ĐTĐN-DN sẽ thu thập thông tin theo phiếu số 1B/ĐTĐN-DS.

c. Suy rộng kết quả điều tra đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước được chọn điều tra mẫu theo phiếu số 1A/ĐTĐN-DN.

Chương trình suy rộng kết quả điều tra của một ngành cấp 4 được thực hiện cho từng tỉnh, TP (trừ 16 tỉnh, TP điều tra toàn bộ các doanh

ngành theo phiếu số 1A/ĐTDN-DN được quy định trong phương án điều tra) cụ thể như sau:

(1) Suy rộng đối với các chỉ tiêu tổng số (hoặc chỉ có một chỉ tiêu đơn) suy rộng theo công thức:

$$Q_n(\text{SR-T}) = \frac{\sum q_{n(M)}}{N_{(M)}} \times \sum N \quad (1)$$

Trong đó:

- $Q_n(\text{SR-T})$: Giá trị chỉ tiêu n được suy rộng cho một ngành cấp 4 của tỉnh, TP.

- $\sum q_{n(M)}$: Tổng giá trị chỉ tiêu n tổng hợp từ mẫu điều tra của ngành cấp 4 đối với phiếu số 1A/ĐTDN-DN.

- $N_{(M)}$: Tổng số doanh nghiệp của ngành cấp 4 được chọn mẫu điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN.

- $\sum N$: Tổng số doanh nghiệp của ngành cấp 4.

(2) Suy rộng đối với các chỉ tiêu chi tiết thuộc tổng số theo công thức:

$$C_n(\text{SR-CT}) = i_q \times Q_n(\text{SR-T}) \quad (2)$$

$$i_q = q_{n(M)}/Q_{n(M)} \quad (3)$$

Trong đó:

- $C_n(\text{SR-CT})$: Giá trị chỉ tiêu chi tiết suy rộng của chỉ tiêu n của ngành cấp 4.

- i_q : Tỷ trọng giữa tổng giá trị chỉ tiêu chi tiết so với tổng giá trị của chỉ tiêu tổng số của các DN được chọn mẫu điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN của ngành cấp 4.

- $Q_n(\text{SR-T})$: Tổng giá trị chỉ tiêu tổng số được suy rộng của ngành cấp 4 tính được từ công thức (1).

- $q_{n(M)}$: Tổng giá trị chỉ tiêu chi tiết của chỉ tiêu n tổng hợp từ các DN được chọn mẫu điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN của ngành cấp 4.

- $Q_{n(M)}$: Tổng giá trị chỉ tiêu tổng số n tổng hợp từ các DN được chọn mẫu điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN của ngành cấp 4.

Từ kết quả suy rộng các chỉ tiêu các ngành cấp 4, có thể tổng hợp kết quả cho các ngành kinh tế các cấp 3,2,1 và toàn quốc.

6.2.3. Chọn mẫu điều tra phiếu 1Am/ĐTDN-KH - Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất.

Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều theo quy mô lao động, đại diện cho toàn quốc và ngành công nghiệp cấp 2 thuộc ngành chế biến, chế tạo.

Danh chọn mẫu là danh sách các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động có đến thời điểm 31/12/2015 thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến, chế tạo.

Tổng số doanh nghiệp chọn mẫu là 5.397 doanh nghiệp, chia ra:

- Doanh nghiệp nhà nước: 37;
- Doanh nghiệp ngoài nhà nước: 3733;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: 1627.

Danh mẫu doanh nghiệp được chọn điều tra phiếu 1Am/ĐTDN-KH năm 2016 là danh mẫu đã được chọn cố định điều tra năm 2015 trên cơ sở bổ sung mẫu bị mất. Mẫu chọn thay thế theo nguyên tắc chọn doanh nghiệp trong mẫu liền kề, cùng ngành cấp 2 và có quy mô tương ứng về lao động. Trường hợp mất mẫu, Cục Thống kê chủ động chọn mẫu thay thế và gửi danh sách mẫu cần thay thế về Tổng cục (Vụ Thống kê Công nghiệp) để thẩm định.

6.2.4. Chọn mẫu điều tra phiếu 1A.10/ĐTDN-HĐTM: Phiếu thu thập thông tin về mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế.

Mẫu chọn đại diện cho ngành chế biến, chế tạo toàn quốc, và từng tỉnh, thành phố, gồm 4.028 doanh nghiệp trùng với mẫu điều tra xu hướng kinh doanh hàng quý ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (theo Quyết định số 12/QĐ-TCTK ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê). Danh sách các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra phiếu số 1A.10/ĐTDN-HĐTM có tại các Cục Thống kê tỉnh, TP.

6.2.5. Chọn mẫu thay thế trong trường hợp mất mẫu

Trong quá trình điều tra, đơn vị được chọn vào mẫu điều tra ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, chuyển đổi ngành hoạt động, Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp tỉnh, TP chủ động chọn mẫu thay thế theo nguyên tắc: Chọn doanh nghiệp cùng loại hình doanh nghiệp, cùng ngành kinh tế cấp 4 và quy mô doanh thu hoặc lao động bằng hoặc gần bằng nhất với doanh nghiệp được thay thế và báo cáo Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương (qua Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê).

6.2.6. Điều tra các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp (đơn vị cơ sở) theo các chuyên ngành.

Đề thu thập đầy đủ thông tin phục vụ chuyên đổi năm gốc so sánh từ năm 2010 sang năm 2015 đối với chỉ số sản xuất, chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho ngành công nghiệp, năm 2016 tiến hành điều tra 100% các doanh nghiệp/cơ sở có hoạt động công nghiệp thực hiện phiếu số 1A.2/ĐTĐN-CN: Kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp. Có nghĩa là, các doanh nghiệp thực hiện phiếu 1A/ĐTĐN-DN và phiếu 1B/ĐTĐN-DS, nếu có hoạt động công nghiệp đều phải thực hiện phiếu số 1A.2/ĐTĐN-CN.

6.2.7. Tổng hợp kết quả: Kết quả điều tra được tổng hợp theo hệ thống biểu mẫu ra chung cho toàn bộ doanh nghiệp và các chuyên ngành, bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã của khu vực doanh nghiệp. Hệ thống biểu tổng hợp được cài đặt trong phần mềm nhập tin và tổng hợp kết quả do Tổng cục Thống kê biên soạn.

7. Phương pháp thu thập số liệu

Do tính chất phức tạp của nội dung điều tra và trình độ của cán bộ kế toán, thống kê cũng như ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị điều tra khác nhau, nên áp dụng các phương pháp thu thập số liệu sau đây:

(1) Thu thập trực tiếp: Điều tra viên phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng, cán bộ kế toán hoặc thống kê của doanh nghiệp về nội dung điều tra và ghi vào phiếu điều tra.

(2) Thu thập gián tiếp: Tổ chức hội nghị tập huấn cho kế toán trưởng, cán bộ kế toán hoặc thống kê của doanh nghiệp về phương án điều tra, nội dung điều tra và hướng dẫn cách ghi thông tin vào phiếu điều tra, đồng thời quy định về địa chỉ nơi nhận, thời gian để các doanh nghiệp tự ghi thông tin vào phiếu điều tra và gửi cho cơ quan điều tra.

(3) Thu thập số liệu từ các nguồn thông tin khác: Trong trường hợp các phương pháp điều tra trực tiếp và gián tiếp không thể thực hiện được, điều tra viên có thể khai thác các nguồn thông tin từ báo cáo tài chính, cơ quan thuế và nguồn thông tin tin cậy khác. Tuy nhiên, cần hạn chế tối đa phương pháp thu thập này.

8. Kế hoạch tiến hành

Bước 1. Chuẩn bị điều tra: Thời gian thực hiện từ tháng 11/2015 đến tháng 02/2016, gồm các công việc:

- a. Ra quyết định điều tra;
- b. Xây dựng phương án điều tra;
- c. Lập và rà soát danh sách các đơn vị điều tra;
- d. Chọn mẫu điều tra;
- e. In phương án và phiếu điều tra;
- f. Xây dựng hệ thống biểu tổng hợp đầu ra và chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố và toàn quốc.

Bước 2. Triển khai điều tra: Thời gian thực hiện từ 01/3/2016 đến 15/6/2016, gồm các công việc:

a. Cục Thống kê tỉnh, TP tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên theo tiêu chuẩn quy định, tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên và hướng dẫn các doanh nghiệp về nội dung và phương pháp ghi phiếu điều tra trên cơ sở phương án điều tra của Tổng cục Thống kê quy định;

b. Triển khai thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra: Từ 01/3/2016 đến 05/6/2016;

- Đối với các doanh nghiệp được chọn thực hiện phiếu 1A.10/ĐTDN-HDTM - Phiếu thu thập thông tin về mức độ sẵn sàng của DN tham gia hội nhập quốc tế: Điều tra cùng thời điểm với điều tra xu hướng kinh doanh quý II/2016 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo;

- Đối với các doanh nghiệp được chọn thực hiện phiếu 1A.7.2/ĐTDN-XNKNH - Kết quả xuất, nhập khẩu dịch vụ của ngân hàng, tổ chức tín dụng: Do Tổng cục Thống kê triển khai thu thập thông tin.

c. Chính lý, đánh mã phiếu điều tra tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày 15/6/2016.

Bước 3. Nhập tin, xử lý và nghiệm thu số liệu: Thời gian thực hiện từ 16/6/2016 đến 15/8/2016, gồm các công việc:

a. Nhập tin số liệu về doanh nghiệp sẽ được thực hiện tại các Cục Thống kê tỉnh, TP, xử lý, kiểm tra số liệu và báo cáo giải trình, cảnh báo lỗi và truyền kết quả nhập tin về Tổng cục Thống kê: **Trước ngày 15/7/2016**. Riêng đối với các doanh nghiệp được chọn thực hiện phiếu 1A.10/ĐTDN-HDTM - Phiếu thu thập thông tin về mức độ sẵn sàng của DN tham gia hội nhập quốc tế: Triển khai điều tra, thu thập và nhập tin, truyền kết quả về Tổng cục chậm nhất là ngày 20/6/2016.

Chương trình nhập tin, kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp số liệu được thực hiện trên cùng một chương trình phần mềm thống nhất cho toàn quốc do Tổng cục Thống kê biên soạn và gửi tới Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua mạng GSO.

b. Nghiệm thu số liệu: Sau khi nhận được số liệu đã nhập tin của các Cục Thống kê tỉnh, TP truyền về Tổng cục Thống kê, Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kết quả của các Cục Thống kê tỉnh, TP qua mạng hoặc trực tiếp tại Cục Thống kê trước ngày 15/8/2016.

Bước 4. Tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra:

a. Kiểm tra, tổng hợp kết quả điều tra của các tỉnh, thành phố: Từ 16/7/2016 đến 15/10/2016.

b. Phổ biến kết quả tổng hợp nhanh điều tra doanh nghiệp: Tháng 11/2016.

c. Phổ biến kết quả đầy đủ điều tra doanh nghiệp: Tháng 12/2016.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Cấp Trung ương: Thành lập Tổ thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chỉ đạo triển khai thực hiện cuộc điều tra.

Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương phối hợp với Vụ Thống kê Công nghiệp triển khai cuộc điều tra, gồm các công việc: Xây dựng phương án điều tra, xây dựng biểu tổng hợp kết quả điều tra, thuật toán kiểm tra logic chung toàn bộ doanh nghiệp và các cơ sở theo chuyên ngành phụ trách, tham gia các đoàn công tác kiểm tra, giám sát của Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê.

Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Tổng cục:

(1) Vụ Thống kê Công nghiệp: Chủ trì, phụ trách chung, phối hợp với các thành viên trong Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thực hiện toàn bộ cuộc điều tra theo quy định của phương án.

(2) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin: Cung cấp danh sách đơn vị điều tra gồm doanh nghiệp và đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp do Tổng cục Thuế (Bộ Tài Chính), Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp.

(3) Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai điều tra thu thập thông tin, phân bổ kết quả sản xuất cho các địa phương đối với các phiếu điều tra thuộc 31 tập đoàn, tổng công ty hạch toán toàn ngành được quy định trong mục 2.1.

(4) Vụ Kế hoạch tài chính: Hướng dẫn và phân bổ kinh phí điều tra doanh nghiệp cho các Cục Thống kê tỉnh, TP và các đơn vị liên quan.

(5) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát, thanh tra các hoạt động của cuộc Điều tra này do Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương và Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc Trung ương thực hiện. Tổng cục Thống kê thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát và thanh tra do Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê chủ trì có sự tham gia của Vụ Kế hoạch tài chính, thành viên Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương.

(6) Trung tâm Tin học thống kê khu vực I: Xây dựng chương trình nhập tin, kiểm tra logic, tổng hợp toàn bộ kết quả điều tra doanh nghiệp chung và các cơ sở chuyên ngành theo yêu cầu của Lãnh đạo Tổng cục Thống kê và Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương.

9.2 Cấp địa phương: Thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh, TP giúp Cục trưởng chỉ đạo, triển khai thực hiện điều tra doanh nghiệp trên địa bàn theo đúng phương án điều tra và hướng dẫn của Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương.

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê trong triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án quy định, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

Để đảm bảo cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2016 đạt hiệu quả cao, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần phân công hợp lý các phòng nghiệp vụ phối hợp chặt chẽ với Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp tỉnh, TP và chịu trách nhiệm chính trong triển khai điều tra thu thập thông tin và quản lý số liệu của các doanh nghiệp/cơ sở thuộc phạm vi chuyên ngành phụ trách.

10. Kinh phí điều tra

Tổng cục Thống kê cấp kinh phí bảo đảm yêu cầu khối lượng công việc của phương án điều tra. Kinh phí điều tra được phân bổ hai lần theo kế hoạch

phân bổ kinh phí điều tra năm 2016 của Tổng cục Thống kê. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra được thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 30/6/2011 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện quyết toán kinh phí điều tra năm 2016 của Tổng cục Thống kê.

Tổ trưởng Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để thực hiện tốt cuộc điều tra theo phương án quy định./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bích Lâm